

Số: 193/2021/QĐST-HNGĐ

Thành phố H, ngày 22 tháng 4 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 44/2021/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 01 năm 2021, giữa:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1987; địa chỉ: Số 16/5 kiệt 320 đường B, phường P, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên H.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Khoa Đăng B, sinh năm 1981; địa chỉ: Số 16/5 kiệt 320 đường B, phường P, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên H.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 3, Điều 6, khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 13 tháng 4 năm 2021.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 13 tháng 4 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Thu H và anh Nguyễn Khoa Đăng B.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Thu H và anh Nguyễn Khoa Đăng B.

2.2. Về con chung: Anh Nguyễn Khoa Đăng B, chị Nguyễn Thị Thu H xác nhận có 01 con chung tên là Nguyễn Khoa Hoàng M, sinh ngày 27/3/2011. Hiện nay cháu Nguyễn Khoa Hoàng M đang ở với chị Nguyễn Thị Thu H. Nay ly hôn

anh Nguyễn Khoa Đăng B và chị Nguyễn Thị Thu H thỏa thuận như sau: Giao cháu Nguyễn Khoa Hoàng M, sinh ngày 27/3/2011 cho chị Nguyễn Thị Thu H được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu Hoàng M trưởng thành, đủ 18 tuổi là phù hợp với nguyện vọng của cháu M được ở với mẹ. Anh Nguyễn Khoa Đăng B không cấp dưỡng tiền nuôi con chung sau khi ly hôn.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

2.3. Về tài sản chung: Anh Nguyễn Khoa Đăng B và chị Nguyễn Thị Thu H tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. Về nợ chung: Anh Nguyễn Khoa Đăng B và chị Nguyễn Thị Thu H xác nhận vợ chồng không có nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.5. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thu H tự nguyện chịu toàn bộ án phí thuận tình ly hôn là 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng), nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) mà chị Nguyễn Thị Thu H đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0002214 ngày 21 tháng 01 năm 2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H. Nay chị Nguyễn Thị Thu H được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí chênh lệch là 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

3. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TT-H;
- VKSND thành phố H;
- Chi cục THADSTP H;
- UBND phường P, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên H (Anh B, chị H ĐKKH số 90, quyền số 01/2009, ngày 22/9/2009);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu dán án.

THẨM PHÁN

Huỳnh Trọng Cẩn